

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: **6887** /UBND-STTTT

V/v tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trong tháng 12/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Sở, ban, ngành;
- UBND quận, huyện, phường xã.

Xét nội dung báo cáo và đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 3040/STTTT-CNTT ngày 07/12/2022 về việc “tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, địa phương đến tháng 11/2022”, Chủ tịch UBND thành phố yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nội dung sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm nội dung chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố về đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên địa bàn thành phố tại Công văn số 1998/UBND-STTTT ngày 13/4/2022; bảo đảm cuối năm 2022 đạt mục tiêu tối thiểu: 85% DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến và 65% hồ sơ trực tuyến (trên tổng số hồ sơ tại cơ quan, đơn vị, địa phương). Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương đạt tỷ lệ hồ sơ trực tuyến thấp, không cải thiện trong thời gian qua là: UBND các phường Thọ Quang, Hòa Khánh Nam, Hòa Khánh Bắc, Hòa Phát, Khuê Trung, Hòa Minh, Hòa Quý; UBND các xã Hòa Phước, Hòa Liên, Hòa Châu, Hòa Phong, Hòa Phú (Thống kê tại Phụ lục đính kèm) phải triển khai quyết liệt các giải pháp, biện pháp để nâng cao tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trong tháng 12/2022.

2. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục phát huy kết quả đạt được để đến cuối năm 2022 toàn thành phố vượt chỉ tiêu năm 2022.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông thống kê tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến năm 2022; báo cáo UBND thành phố khi có vướng mắc phát sinh để có chỉ đạo kịp thời.

4. Giao Sở Nội vụ xem xét, tham mưu đánh giá các cơ quan, đơn vị, địa phương (cả thủ trưởng) về triển khai DVCTT không đạt chỉ tiêu đề ra tại mục 1 Công văn này.

Nhận được Công văn này, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện./. *Chinh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND Tp Lê Quang Nam (t/dõi);
- CVP, PCVP UBND Tp;
- Lưu: VT, KSTT, STTT. *15/1*



Lê Trung Chinh



Phụ lục

THÔNG KÊ TỶ LỆ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN (Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 26/11/2022)

(Kèm theo Công văn số 6887 /UBND-STTTT ngày 15/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (không bao gồm hồ sơ chứng thực)			Tỷ lệ hồ sơ chứng thực trực tuyến			Tăng(+)/ Giảm (-) so với tháng 10/2022
		Tổng số hồ sơ (không bao gồm hồ sơ chứng thực)	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	Tổng hồ sơ chứng thực	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	
I	Quận, huyện							
1	UBND quận Thanh Khê	7344	6713	91%	4705	0	0%	14%
2	UBND quận Ngũ Hành Sơn	6050	5514	91%	10391	0	0%	5%
3	UBND quận Sơn Trà	5230	4535	87%	0	0	0%	11%
4	UBND quận Hải Châu	8834	6753	76%	7856	2	0%	20%
5	UBND quận Liên Chiểu	6076	4306	71%	17072	0	0%	-1%
6	UBND quận Cẩm Lệ	7237	4800	66%	10170	0	0%	7%
7	UBND huyện Hòa Vang	5586	3607	65%	1372	0	0%	11%
II	Phường, xã							
1	UBND phường Bình Thuận	571	571	100%	2446	0	0%	0%
2	UBND phường Chính Gián	2451	2451	100%	5468	0	0%	0%
3	UBND phường Hòa Thuận Đông	915	915	100%	4074	0	0%	0%
4	UBND phường Nam Dương	888	888	100%	9160	0	0%	0%
5	UBND xã Hòa Nhơn	355	355	100%	4628	0	0%	0%
6	UBND phường Thạch Thang	808	807	100%	1769	0	0%	0%
7	UBND phường Hòa Khê	1183	1180	100%	21780	0	0%	0%
8	UBND phường Hòa Thuận Tây	681	677	99%	2187	0	0%	0%
9	UBND phường Thạch Gián	1848	1836	99%	5616	0	0%	0%

TT	Tên cơ quan. đơn vị	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (không bao gồm hồ sơ chứng thực)			Tỷ lệ hồ sơ chứng thực trực tuyến			Tăng(+)/ Giảm (-) so với tháng 10/2022
		Tổng số hồ sơ (không bao gồm hồ sơ chứng thực)	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	Tổng hồ sơ chứng thực	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	
10	UBND phường Hòa Hiệp Bắc	189	187	99%	4185	0	0%	0%
11	UBND phường Bình Hiên	578	571	99%	371	0	0%	0%
12	UBND phường Thanh Khê Tây	1161	1140	98%	16052	0	0%	0%
13	UBND xã Hòa Bắc	220	215	98%	387	0	0%	1%
14	UBND phường Hải Châu I	964	929	96%	11404	0	0%	0%
15	UBND phường Thuận Phước	757	726	96%	6565	0	0%	1%
16	UBND phường Phước Ninh	1310	1240	95%	7367	0	0%	1%
17	UBND phường Thanh Bình	1166	1095	94%	1369	0	0%	1%
18	UBND phường Hòa Cường Nam	878	797	91%	3128	0	0%	1%
19	UBND phường An Hải Đông	767	689	90%	98	0	0%	0%
20	UBND phường Tân Chính	475	425	89%	6806	0	0%	0%
21	UBND xã Hòa Sơn	1168	1000	86%	12740	0	0%	3%
22	UBND phường Hải Châu II	1729	1454	84%	3334	0	0%	-1%
23	UBND phường Phước Mỹ	1135	948	84%	4885	8	0%	2%
24	UBND phường Vĩnh Trung	753	622	83%	7776	0	0%	0%
25	UBND phường Tam Thuận	438	361	82%	4197	0	0%	0%
26	UBND phường Hòa Cường Bắc	953	783	82%	2081	0	0%	3%
27	UBND phường An Khê	1890	1550	82%	7415	0	0%	2%
28	UBND phường Xuân Hà	1284	1048	82%	9239	0	0%	3%
29	UBND phường Hòa Hải	626	507	81%	6232	0	0%	2%
30	UBND phường Nại Hiên Đông	1427	1143	80%	4870	189	4%	1%
31	UBND phường Thanh Khê Đông	685	543	79%	1609	0	0%	1%

TT	Tên cơ quan. đơn vị	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (không bao gồm hồ sơ chứng thực)			Tỷ lệ hồ sơ chứng thực trực tuyến			Tăng(+)/ Giảm (-) so với tháng 10/2022
		Tổng số hồ sơ (không bao gồm hồ sơ chứng thực)	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	Tổng hồ sơ chứng thực	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	
32	UBND phường An Hải Bắc	2356	1744	74%	36	0	0%	2%
33	UBND phường Hòa Thọ Đông	847	621	73%	12287	0	0%	9%
34	UBND phường Mỹ An	611	439	72%	6758	0	0%	0%
35	UBND phường Mân Thái	1481	1037	70%	4	0	0%	4%
36	UBND phường Hòa Xuân	2062	1431	69%	6369	0	0%	15%
37	UBND phường Khuê Mỹ	1428	991	69%	276	2	1%	12%
38	UBND xã Hòa Ninh	610	411	67%	940	1	0%	3%
39	UBND phường Hòa Hiệp Nam	283	189	67%	3858	0	0%	-1%
40	UBND xã Hòa Tiến	1167	778	67%	10085	0	0%	5%
41	UBND phường An Hải Tây	431	286	66%	619	0	0%	0%
42	UBND phường Hòa An	1964	1289	66%	6288	0	0%	9%
43	UBND phường Hòa Thọ Tây	989	649	66%	2216	3	0%	2%
44	UBND xã Hòa Khương	355	229	65%	593	0	0%	7%
45	UBND phường Thọ Quang	1159	686	59%	24305	1	0%	12%
46	UBND phường Hòa Khánh Nam	804	452	56%	9999	49	0%	8%
47	UBND phường Hòa Phát	171	94	55%	2581	0	0%	3%
48	UBND phường Khuê Trung	2077	1071	52%	5025	0	0%	2%
49	UBND phường Hòa Minh	3358	1717	51%	13192	0	0%	5%
50	UBND xã Hòa Phước	1703	831	49%	4538	13	0%	6%
51	UBND xã Hòa Liên	2285	1002	44%	9226	0	0%	6%
52	UBND xã Hòa Châu	1461	630	43%	2393	0	0%	6%
53	UBND Phường Hòa Khánh Bắc	1073	397	37%	4787	0	0%	4%

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (không bao gồm hồ sơ chứng thực)			Tỷ lệ hồ sơ chứng thực trực tuyến			Tăng(+)/ Giảm (-) so với tháng 10/2022
		Tổng số hồ sơ (không bao gồm hồ sơ chứng thực)	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	Tổng hồ sơ chứng thực	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	
54	UBND xã Hòa Phong	797	231	29%	7538	0	0%	12%
55	UBND phường Hòa Quý	997	227	23%	1017	0	0%	3%
56	UBND xã Hòa Phú	371	21	6%	2717	0	0%	5%
III	Sở, ban, ngành							
1	Sở Khoa học và Công nghệ	588	588	100%	0	0		0%
2	Sở Ngoại vụ	123	123	100%	0	0		0%
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19	19	100%	0	0		0%
4	Sở Thông tin và Truyền thông	536	536	100%	0	0		0%
5	Sở Tài chính	621	621	100%	0	0		0%
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	62	62	100%	0	0		0%
7	Sở Văn hóa và Thể thao	1468	1468	100%	0	0		0%
8	Chi cục Biển và Hải đảo	14	14	100%	0	0		0%
9	Chi cục Bảo vệ Môi trường	145	145	100%	0	0		0%
10	Chi cục Nông nghiệp thành phố Đà Nẵng	2113	2113	100%	0	0		0%
11	Chi cục Quản lý đất đai	42	42	100%	0	0		0%
12	Chi cục Thủy lợi thành phố Đà Nẵng	8	8	100%	0	0		0%
13	Ban Quản lý Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang	8	8	100%	0	0		0%
14	Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	70	70	100%	0	0		0%
15	Sở Du lịch	971	971	100%	0	0		8%
16	Sở Y tế	1840	1839	100%	0	0		0%

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (không bao gồm hồ sơ chứng thực)			Tỷ lệ hồ sơ chứng thực trực tuyến			Tăng(+)/ Giảm (-) so với tháng 10/2022
		Tổng số hồ sơ (không bao gồm hồ sơ chứng thực)	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	Tổng hồ sơ chứng thực	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	
17	Sở Công thương	24528	24323	99%	0	0	0%	
18	Sở Giao thông vận tải	3965	3910	99%	0	0	12%	
19	Sở Nội vụ	448	428	96%	0	0	1%	
20	Chi nhánh Quận Liên Chiểu	17699	16843	95%	0	0	0%	
21	Sở Kế hoạch và Đầu tư	616	558	91%	0	0	1%	
22	Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng	177	160	90%	0	0	9%	
23	Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông Đà Nẵng	1261	1091	87%	0	0	1%	
24	Chi cục Thủy sản	1572	1357	86%	0	0	2%	
25	Chi nhánh Quận Sơn Trà	10056	8548	85%	0	0	1%	
26	Sở Giáo dục và Đào tạo	905	762	84%	0	0	1%	
27	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3096	2474	80%	0	0	10%	
28	Chi nhánh Quận Ngũ Hành Sơn	16422	12963	79%	0	0	1%	
29	Chi cục Kiểm lâm thành phố Đà Nẵng	23	18	78%	0	0	1%	
30	Ban Thi đua - Khen thưởng	188	147	78%	0	0	1%	
31	Sở Xây dựng	2981	2323	78%	0	0	9%	
32	Chi nhánh Quận Hải Châu	10264	5749	56%	0	0	4%	
33	Sở Tư pháp	2749	1514	55%	0	0	33%	
34	Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng	786	430	55%	0	0	1%	
35	Ban Tôn giáo	28	15	54%	0	0	11%	

TT	Tên cơ quan. đơn vị	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (không bao gồm hồ sơ chứng thực)			Tỷ lệ hồ sơ chứng thực trực tuyến			Tăng(+)/ Giảm (-) so với tháng 10/2022
		Tổng số hồ sơ (không bao gồm hồ sơ chứng thực)	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	Tổng hồ sơ chứng thực	Số lượng hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ	
36	Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố	879	454	52%	0	0	5%	
37	Trung tâm Phục vụ đối ngoại Đà Nẵng	503	253	50%	0	0	5%	
38	Chi nhánh Quận Thanh Khê	10792	5274	49%	0	0	4%	
39	Văn phòng Đăng ký đất đai	3526	1562	44%	0	0	4%	
40	Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Quận Cẩm Lệ	18479	7033	38%	0	0	5%	
41	Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Huyện Hòa Vang	27414	9469	35%	0	0	6%	
42	Công ty Công viên Cây xanh Đà Nẵng	263	2	1%	0	0	1%	
43	Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà	1642	0	0%	0	0	0%	
	TỔNG CỘNG	77.340	197.621	71%				